



LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

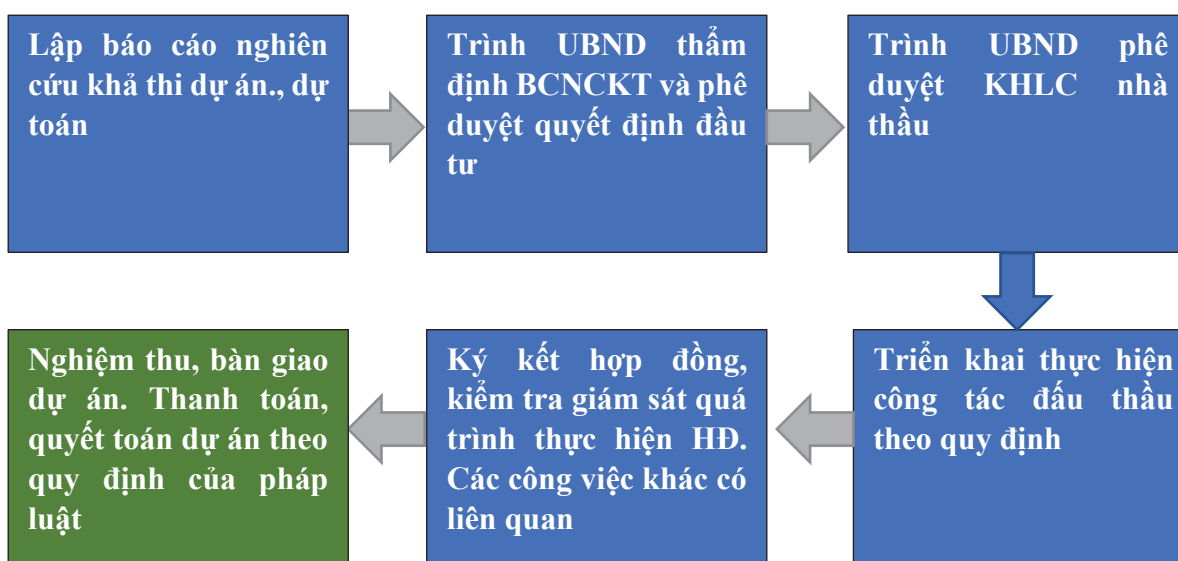
- THỰC HIỆN NỘI DUNG TIỂU DỰ ÁN 2, DỰ ÁN 10
Hỗ trợ xây dựng và duy trì Chợ sản phẩm
trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số
và miền núi.

- ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ
Ứng dụng công nghệ thông tin
sử dụng nguồn kinh phí chi đầu tư
phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

Liên minh HTX tỉnh, thành phố được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện nội dung tiểu dự án 2 dự án 10 - Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS & MN; Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN



NỘI DUNG 1

LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

Đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước, thực hiện theo quy định của **Luật đầu tư công** và các quy định về quản lý chi phí, quản lý chất lượng tại **Mục 2 Chương II Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 09 năm 2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước**.

Tại khoản 2 Điều 40 Luật Đầu tư công quy định “**Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư**” và Khoản 6 Điều 18 Luật Đầu tư công “**Dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia không phải quyết định chủ trương đầu tư**”. Cho nên tại bước chuẩn bị đầu tư dự án này Liên minh HTX tỉnh, thành phố chỉ phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi trình UBND quyết định đầu tư.

I. Hướng dẫn về lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án

Tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 09 năm 2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước quy định “**Chủ đầu tư tự thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân, lập báo cáo nghiên cứu khả thi**”

- Điều 16 (nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 09 năm 2019). Lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án

Nội dung của báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công, trong đó đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin cần thuyết minh rõ các nội dung sau:

a) Đánh giá sự tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ hoặc Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh;

b) Phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị, trong đó có phân tích, lựa chọn phương án bảo đảm tính kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan; yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6 hoặc giải pháp nâng cấp hệ thống bảo đảm sẵn sàng với IPv6 nếu có các nội dung liên quan hoạt động trên môi trường Internet;

- Điều 44. (Luật đầu tư công) Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình đầu tư công bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Sự cần thiết đầu tư;
- b) Đánh giá thực trạng của ngành, lĩnh vực thuộc mục tiêu và phạm vi của chương trình; những vấn đề cấp bách cần được giải quyết trong chương trình;
- c) Mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, kết quả, các chỉ tiêu chủ yếu trong từng giai đoạn;
- d) Phạm vi và quy mô của chương trình;
- đ) Các dự án thành phần thuộc chương trình cần thực hiện để đạt được mục tiêu của chương trình, thứ tự ưu tiên và thời gian thực hiện các dự án thành phần;
- e) Dự kiến tổng mức vốn để thực hiện chương trình, phân bổ vốn theo mục tiêu, dự án thành phần và thời gian thực hiện, nguồn vốn và phương án huy động vốn;
- g) Dự kiến thời gian và tiến độ thực hiện chương trình;
- h) Giải pháp để thực hiện chương trình; cơ chế, chính sách áp dụng đối với chương trình; khả năng lồng ghép, phối hợp với các chương trình khác;
- k) Tổ chức thực hiện chương trình;
- l) Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội chung của chương trình.

- Điều 45. (Luật đầu tư công) Hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định, quyết định chương trình, dự án

1. Hồ sơ thẩm định chương trình, dự án bao gồm:

- a) Tờ trình thẩm định chương trình, dự án;
- b) Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án;
- c) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Hồ sơ quyết định chương trình, dự án, nội dung, thời gian thẩm định, quyết định chương trình, dự án thực hiện theo quy định của Chính phủ.

II. Mẫu tờ trình thẩm định, phê duyệt dự án

(Kèm theo Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ)

CƠ QUAN TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Thẩm định, phê duyệt dự án (Tên dự án) ...

Kính gửi:

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 09 năm 2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định, phê duyệt dự án ... (Tên dự án) ... với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA DỰ ÁN

- 1. Tên dự án:
- 2. Chủ đầu tư:
- 3. Tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
- 4. Sự cần thiết đầu tư dự án:
- 5. Mục tiêu đầu tư:

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

6. Quy mô đầu tư:

7. Địa điểm đầu tư:

8. Thiết kế cơ sở:

a) Giải pháp thiết kế cơ sở cần tuân thủ:

b) Giải pháp thiết kế cơ sở cho phép chủ đầu tư được thay đổi trong bước thiết kế tiếp theo:

9. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Chi phí xây lắp:

- Chi phí thiết bị:

- Chi phí quản lý dự án:

- Chi phí tư vấn đầu tư:

- Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:

10. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến phân bổ vốn theo tiến độ:

11. Hình thức quản lý dự án:

12. Thời gian thực hiện dự án:

13. Đánh giá tính hiệu quả dự án:

14. Đánh giá tính khả thi dự án:

15. Kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định dự án:

16. Các nội dung khác:

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

III. Về lập dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước tại *Điều 28 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 09 năm 2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.*

*** Một số gợi ý hạng mục lập dự toán cho Dự án này:**

- Xây dựng trang thương mại điện tử cho HTX và thành viên vùng đồng bào DTTS&MN (đạt yêu cầu về công nghệ và tính năng thương mại điện tử tích hợp được trên nền tảng LGSP và đảm bảo chia sẻ, kết nối và tạo lập cơ sở dữ liệu dung chung của ngành công tác theo hướng dẫn của Nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 9/4/2020 của Chính Phủ và tích hợp được trên nền tảng Cổng thông tin điện tử của Ủy ban dân tộc).

- Đầu tư trang thiết bị vận hành và phục vụ hỗ trợ chợ sản phẩm trực tuyến (Máy tính, máy in, máy chiếu...)

- Đầu tư thiết bị xây dựng phòng học đa phương tiện phục vụ dự án (Máy tính, tivi màn hình LED, hệ thống âm thanh, ánh sáng, bàn ghế máy tính cho học viên, hệ thống mạng...)

Điều 28

1. Dự toán là toàn bộ chi phí thực hiện dự án được xác định ở giai đoạn thực hiện đầu tư theo từng dự án cụ thể phù hợp với báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế chi tiết và các yêu cầu công việc khác phải thực hiện.

a) Dự toán là một nội dung trong hồ sơ thiết kế chi tiết; dự toán chi tiết hạng mục đầu tư được duyệt là cơ sở để xác định giá gói thầu đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng;

b) Đối với gói thầu hỗn hợp, dự toán gói thầu được xác định trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết;

c) Trường hợp sử dụng thiết kế điển hình, dự toán được xác định trên cơ sở dự toán của thiết kế điển hình quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này.

2. Nội dung dự toán gồm các chi phí: chi phí xây lắp, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư, chi phí khác và chi phí dự phòng.

a) Chi phí xây lắp:

Chi phí xây lắp được xác định bằng cách lập dự toán trên cơ sở định mức, phương pháp lập định mức theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định có liên quan.

b) Chi phí thiết bị được xác định trên cơ sở số lượng, chủng loại thiết bị cần mua sắm và giá thiết bị trên thị trường. Chi phí xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ được xác định theo phương pháp so sánh hoặc phương pháp chuyên gia hoặc phương pháp tính chi phí hoặc theo báo giá thị trường hoặc kết hợp các phương pháp. Chi phí lắp đặt, cài đặt thiết bị, tạo lập cơ sở dữ liệu, đào tạo hướng dẫn sử dụng, quản trị, vận hành; chi phí vận chuyển, bảo hiểm thiết bị; chi phí triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao (nếu có) và các chi phí khác có liên quan (nếu có) được xác định bằng cách lập dự toán;

c) Chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn đầu tư được xác định trên cơ sở định mức chi phí theo tỷ lệ hoặc bằng cách lập dự toán;

d) Chi phí khác bao gồm các chi phí chưa quy định tại các điểm a, b và c khoản này và được xác định bằng cách lập dự toán hoặc theo định mức chi phí theo tỷ lệ;

đ) Chi phí dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng các chi phí quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này. Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá được tính trên cơ sở độ dài thời gian đầu tư của dự án.

3. Việc áp dụng các phương pháp lập dự toán, tính chi phí, xác lập định mức, đơn giá trong từng thời kỳ và quản lý chi phí được thực hiện theo các công bố, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông công bố đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Nội dung hồ sơ phục vụ xác định chi phí và phương pháp xác định chi phí phần mềm nội bộ, kiểm thử phần mềm nội bộ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

IV. Việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước cho công nghệ thông tin và triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số cần thực hiện theo quy trình, thủ tục, pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư, ngân sách nhà nước, đấu thầu. Trong đó các Liên minh HTX tỉnh, thành phố cần lưu ý:

- Dự toán phải được tính đúng, tính đủ, đúng quy định, định mức và đơn giá của nhà nước. Một số quy định cụ thể: *Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước; Quyết định số 2331/QĐ-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin Truyền thông về Công bố định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động chuyển giao ứng dụng công nghệ thông tin; Văn bản số 2589/BTTTT-UDCNTT ngày 24/8/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ; Quyết định số 129/QĐ-BTTTT ngày 03/02/2021 của Bộ TT&TT ban hành hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Văn bản số 3787/BTTTT-THH ngày 26/12/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn phương pháp xác định chi phí kiểm thử chất lượng phần mềm; Nghị quyết UBND tỉnh, thành phố.*

- Hệ thống công nghệ thông tin phải bảo đảm các yêu cầu an toàn thông tin theo cấp độ, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn, tiêu chí kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành. Một số quy định cụ thể: *Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Quyết số 742/QĐ BTTTT ngày 22/4/2022 của Bộ TT&TT ban hành yêu cầu an toàn cơ bản đối với phần mềm nội bộ; Công văn số*

166/CATTT-ATHTTT ngày 10/02/2022 của Cục An toàn thông tin về việc Ban hành hướng dẫn “Khung phát triển phần mềm an toàn phiên bản 1.0.

- Xác định rõ giải pháp kỹ thuật, công nghệ đáp ứng được nhu cầu, phù hợp với quy mô, tính chất, đảm bảo sản phẩm, dịch vụ được lựa chọn là các sản phẩm, dịch vụ tốt ở thời điểm lựa chọn. Một số quy định cụ thể: *Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ TT&TT ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; Thông tư số 13/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy định các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia; Công văn số 677/BTTTT ngày 03/03/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn kết nối và chia sẻ dữ liệu thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; Công văn số 3788/BTTTT-THH ngày 26/12/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn liên thông, trao đổi dữ liệu có cấu trúc bằng ngôn ngữ XML giữa các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước.*

NỘI DUNG 2

HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐẦU THẦU

PHẦN 1

CÁC VĂN BẢN ÁP DỤNG

1. Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;
2. Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
3. Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước;
4. Quyết định 17/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2019 về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật đấu thầu;
5. Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
6. Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT ngày 27/10/2015 của Bộ Kế hoạch và đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ yêu cầu đối với chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh.
7. Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT ngày 21/12/2015 quy định chi tiết đánh giá báo cáo hồ sơ dự thầu;
8. Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu;
9. Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 11 năm 2017 quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
10. Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2019 quy định việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả.

PHẦN 2

PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Căn cứ Quyết định phê duyệt, tiến độ triển khai thực hiện đề án, Viện lập hồ sơ trình Lãnh đạo Liên minh HTX Việt Nam (*Liên minh HTX tỉnh, thành phố trình lãnh đạo UBND*) kế hoạch lựa chọn nhà thầu (LCNT), bao gồm:

- Tờ trình phê duyệt kế hoạch LCNT
- Dự thảo quyết định phê duyệt kế hoạch LCNT
- Dự toán kinh phí
- Báo giá của 03 đơn vị để làm căn cứ xác định giá gói thầu

(Mẫu biểu kèm theo Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và đầu tư)

PHẦN 3

QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU MỘT SỐ GÓI THẦU CỤ THỂ

I. Chỉ định thầu

1. Các trường hợp áp dụng chỉ định thầu

Các gói thầu theo quy định tại Điều 22 của Luật Đấu thầu 43/2013/QH13

2. Hạn mức chỉ định thầu (Điều 54/NĐ63)

Gói thầu có giá trị trong hạn mức được áp dụng chỉ định thầu theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 22 của Luật Đấu thầu:

- Không quá 100 triệu đồng đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên.

3. Quy trình chỉ định thầu

a. Quy trình chỉ định thầu thông thường

- Các trường hợp áp dụng chỉ định thầu thông thường (khoản 1, Điều 16, TT 58)

- Quy trình chỉ định thầu thông thường (Điều 55, NĐ 63/2014/NĐ-CP)

- Thời gian thực hiện chỉ định thầu kể từ ngày phê duyệt hồ sơ yêu cầu đến ngày ký kết hợp đồng không quá 45 ngày; trường hợp gói thầu có quy mô lớn, phức tạp không quá 90 ngày (điểm c, khoản 3, điều 15, TT58).

b. Quy trình chỉ định thầu rút gọn

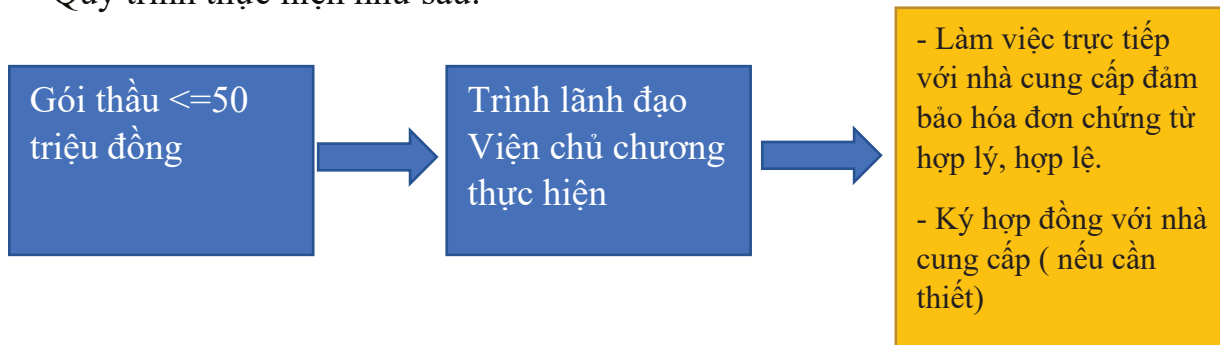
- Áp dụng đối với gói thầu, nội dung mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị gói thầu không quá 100 triệu đồng (khoản 2, Điều 17, TT 58).

- Quy trình chỉ định thầu rút gọn (Điều 56, NĐ 63/2014/NĐ-CP)

+ Gói thầu có giá trị gói thầu không quá 50 triệu đồng

Thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 4, Quyết định 17/2019/QĐ-TTg

Quy trình thực hiện như sau:



+ Đối với gói thầu có giá trị gói thầu dưới 50 triệu đồng, sau khi được Lãnh đạo Viện phê duyệt chủ trương thực hiện; các đơn vị làm việc trực tiếp với nhà cung cấp đảm bảo hóa đơn chứng từ hợp pháp, hợp lệ; trường hợp cần thiết ký hợp đồng với nhà cung cấp để quy định cụ thể các hạng mục công việc, trách nhiệm các bên.

+ Gói thầu có giá trị từ trên 50 triệu đến 100 triệu đồng



B1: Trình Lãnh đạo Viện phê duyệt kế hoạch LCNT (**Đối với Liên minh HTX tỉnh, thành phố trình UBND phê duyệt**)

B2: Đăng tải thông tin kế hoạch LCNT lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt B3: Lựa chọn đơn vị có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu, dự thảo hợp đồng và gửi cho nhà thầu. Nội dung dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác.

B4: Tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng

B5: Trình Lãnh đạo Viện phê duyệt kết quả LCNT (**Đối với Liên minh HTX tỉnh, thành phố trình UBND phê duyệt**)

B6: Đăng tải thông tin kết quả LCNT lên mạng đấu thầu quốc gia trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả LCNT

B7: Ký kết hợp đồng

II. Chào hàng cạnh tranh

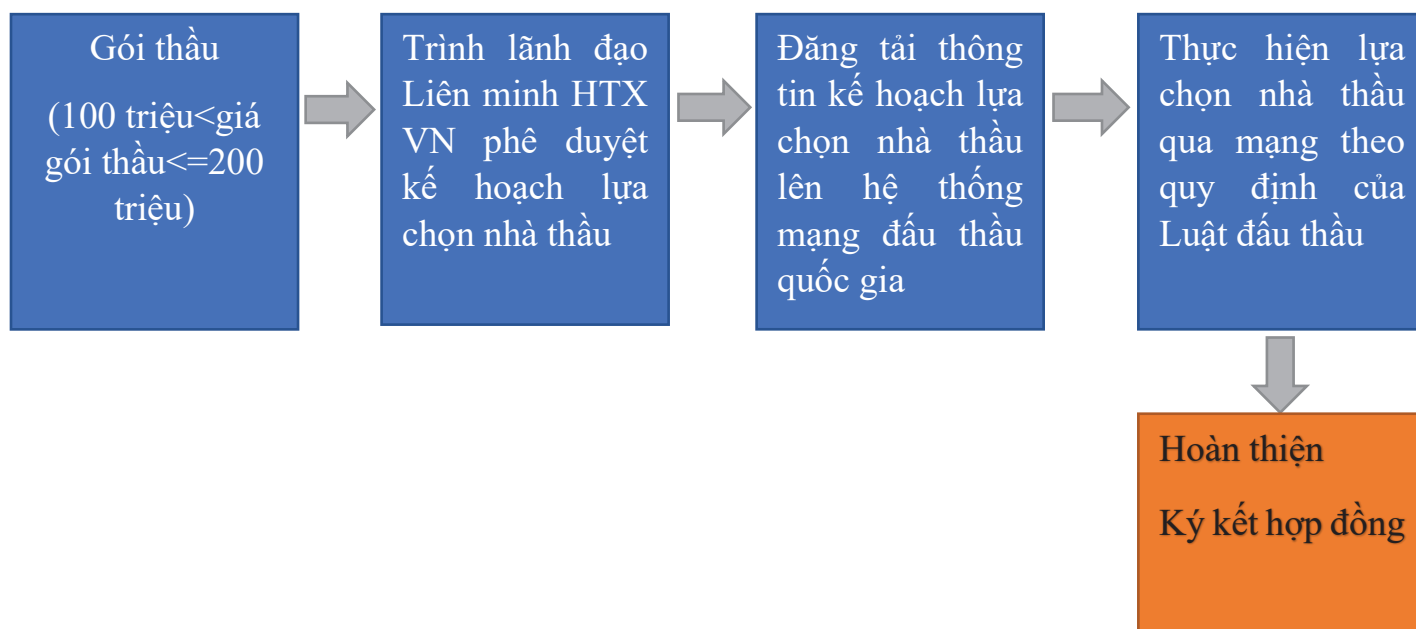
1. Các trường hợp áp dụng chào hàng cạnh tranh

Các gói thầu theo quy định tại Điều 23 của Luật Đấu thầu 43/2013/QH13

2. Hạn mức chào hàng cạnh tranh

- Chào hàng cạnh tranh theo quy trình thông thường áp dụng đối với gói thầu quy định tại Khoản 1 Điều 23 của Luật Đấu thầu có giá trị không quá 05 tỷ đồng.

- Chào hàng cạnh tranh theo quy trình rút gọn áp dụng đối với gói thầu mua sắm thường xuyên có giá trị không quá 200 triệu đồng (khoản 2, Điều 57/NĐ63).



3. Quy trình chào hàng cạnh tranh qua mạng (áp dụng bắt buộc đối với 100% gói thầu theo quy định tại Thông tư 11/2019/TT-BKHĐT)

3.1. Chào hàng cạnh tranh theo quy trình rút gọn phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ (Mục 2 Chương II Thông tư 04/2017/TT-BKHĐT)

B1: Trình Lãnh đạo Liên minh HTX Việt Nam phê duyệt kế hoạch LCNT (Đối với Liên minh HTX tỉnh, thành phố trình UBND phê duyệt)

B2: Đăng tải thông tin kế hoạch LCNT lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong vòng 7 ngày làm việc kể khi được phê duyệt.

B3: Thực hiện lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định

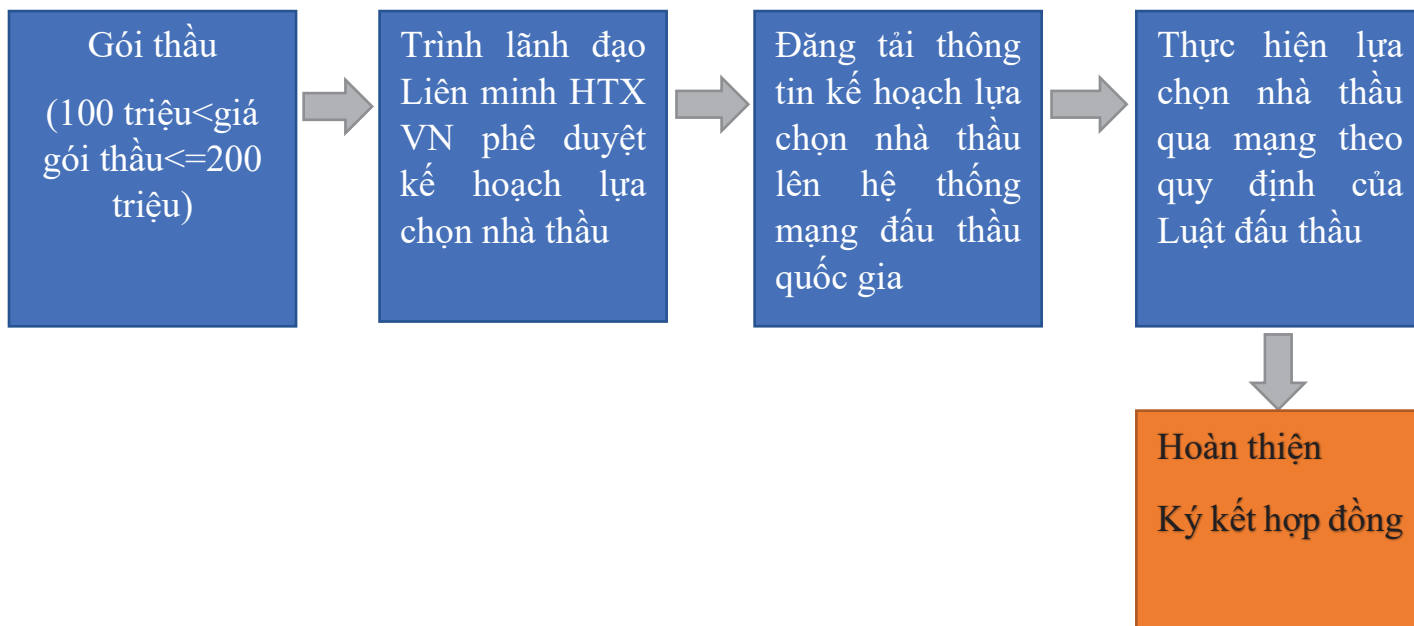
Nội dung công việc	Các bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
Thành lập tổ chuyên gia <i>(* nếu đơn vị không có năng lực có thể thuê đơn vị tư vấn thầu)</i>	Đề nghị các phòng ban, trung tâm trong Viện cử các cán bộ có chứng chỉ phù hợp với quy định tham gia gói thầu. Trình lãnh đạo Viện ra quyết định thành lập tổ chuyên gia, tổ thẩm định.	Các đơn vị được giao nhiệm vụ	1-3 ngày
Xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Bao gồm nội dung công việc, các bước thực hiện	Các đơn vị được giao nhiệm vụ	1-3 ngày
Lập phê duyệt E-HSMT	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng nhập vào hệ thống sau đó lập E-HSMT theo Mẫu số 07. TT 04/2017/TT-TT-BKHĐT - Lập tờ trình phê duyệt E-HSMT, quyết định phê duyệt E-HSMT trình lãnh đạo Viện phê duyệt. 	Tổ chuyên gia	1-3 ngày (Không bắt buộc Tổ thẩm định phải thẩm định E-HSMT)
Đăng tải E-HSMT	Đăng tải E-HSMT trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Tổ chuyên gia	1-3 ngày
Phát hành E-TBMT	Phát hành trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Tổ chuyên gia	1-3 ngày
Tiếp nhận E-HSDT	Nhà thầu nộp 01 bộ E-HSDT đối với 01 E-TBMT khi tham gia lựa chọn nhà thầu	Tổ chuyên gia	Thời gian chuẩn bị E-HSDT tối thiểu 03 ngày làm việc, kể từ ngày đầu tiên đăng tải E-HSMT

Nội dung công việc	Các bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
Mở thầu	<ul style="list-style-type: none"> - Bên mời thầu đăng nhập hệ thống , chọn gói thầu theo E-HSMT - Giải mã E-HSDT của nhà thầu tham dự 	Tổ chuyên gia	Ngay sau khi đóng thầu trong vòng 2h
Đánh giá E-HSDT, xếp hạng nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> - Bên mời thầu đăng nhập hệ thống tải E-HSDT của các nhà thầu để tổ chức đánh giá. - Tổ chuyên gia lập báo cáo đánh giá E-HSDT theo mẫu Thông tư 23/2015/TT-BKHĐT 	Tổ chuyên gia	Thời gian đánh giá E-HSDT tối đa là 10 ngày, kể từ ngày mở thầu đến khi có tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả LCNT kèm theo báo cáo kết quả đánh giá HSDT
Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ thẩm định tiến hành thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. - Lập biên bản thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (đại diện tổ thẩm địnhkết quả lựa chọn nhà thầu (đại diện tổ thẩm định ký theo mẫu thông tư 19/2015/TT-BKHĐT 	Tổ thẩm định	Thời gian thẩm định kết quả LCNT tối đa là 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định
Trình lãnh đạo Viện phê duyệt kết quả LCNT	<ul style="list-style-type: none"> - Lập tờ trình phê duyệt kết quả LCNT (theo mẫu Phụ lục 7 thông tư 23/2015/TT-BKHĐT) - Dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả LCNT trình lãnh đạo Viện phê duyệt 	Đơn vị được giao nhiệm vụ	Ra quyết định phê duyệt kết quả LCNT tối đa 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả LCNT và báo cáo thẩm định của tổ thẩm định

<p>Đăng tải công khai kết quả lựa chọn nhà thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia</p>	<p>Theo hướng dẫn thông tư 11/2019/TT-BKHĐT</p>	<p>Tổ chuyên gia</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng tải kết quả LCNT trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt. - Thời gian gửi văn bản thông báo kết quả LCNT cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện là 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết quả LCNT được phê duyệt
---	---	----------------------	--

B4: Hoàn thiện, ký kết hợp đồng (Các đơn vị thông báo nhà thầu nộp tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng theo đúng quy định trong E-HSMT trước khi hợp đồng có hiệu lực)

3.2. Chào hàng cạnh tranh theo quy trình thông thường phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ (Mục 1 Chương II Thông tư 04/2017/TT-BKHĐT)



B1: Trình Lãnh đạo Liên minh HTX Việt Nam phê duyệt kế hoạch LCNT (Đối với Liên minh HTX tỉnh, thành phố trình UBND phê duyệt)

B2: Đăng tải thông tin kế hoạch LCNT lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong vòng 7 ngày làm việc kể khi được phê duyệt.

B3: Thực hiện lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định

Nội dung công việc	Các bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
Thành lập tổ chuyên gia <i>(* nếu đơn vị không có năng lực có thể thuê đơn vị tư vấn thầu)</i>	Đề nghị các phòng ban, trung tâm trong Viện cử các cán bộ có chứng chỉ phù hợp với quy định tham gia gói thầu. Trình lãnh đạo Viện ra quyết định thành lập tổ chuyên gia, tổ thẩm định.	Các đơn vị được giao nhiệm vụ	1-3 ngày
Xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Bao gồm nội dung công việc, các bước thực hiện	Các đơn vị được giao nhiệm vụ	1-3 ngày
Lập phê duyệt E-HSMT	- Đăng nhập vào hệ thống sau đó lập E-HSMT theo Mẫu số 07 TT 04/2017/TT-TT-BKHĐT		1-3 ngày
	- Thẩm định E-HSMT: in hồ sơ đã lập trình Viện và tổ chức thẩm định. (Báo cáo thẩm định E-HSMT theo mẫu Thông tư 19/2015/TT-BKHĐT)	Tổ chuyên gia	Tối đa 20 ngày
	- Lập tờ trình phê duyệt E-HSMT, quyết định phê duyệt E-HSMT trình lãnh đạo Viện phê duyệt.		1-5 ngày
Đăng tải E-HSMT	Đăng tải E-HSMT trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Tổ chuyên gia	1-5 ngày

Nội dung công việc	Các bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
Phát hành E-TBMT	Phát hành trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Tổ chuyên gia	1-5 ngày
Tiếp nhận E-HSDT	Nhà thầu nộp 01 bộ E-HSDT đối với 01 E-TBMT khi tham gia lựa chọn nhà thầu	Tổ chuyên gia	Thời gian chuẩn bị E-HSDT tối thiểu 05 ngày làm việc, kể từ ngày đầu tiên đăng tải E-HSMT
Mở thầu	<ul style="list-style-type: none"> - Bên mời thầu đăng nhập hệ thống , chọn gói thầu theo E-HSMT - Giải mã E-HSDT của nhà thầu tham dự 	Tổ chuyên gia	Ngay sau khi đóng thầu trong vòng 2h
Đánh giá E-HSDT, xếp hạng nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> - Bên mời thầu đăng nhập hệ thống tải E-HSDT của các nhà thầu để tổ chức đánh giá. - Tổ chuyên gia lập báo cáo đánh giá E-HSDT theo mẫu Thông tư 23/2015/TT-BKHĐT 	Tổ chuyên gia	Thời gian đánh giá E-HSDT tối đa là 20 ngày, kể từ ngày mở thầu đến khi có tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả LCNT kèm theo báo cáo kết quả đánh giá HSDT

Nội dung công việc	Các bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
Thương thảo hợp đồng	Lập biên bản thương thảo hợp đồng theo mẫu tại Phụ lục 6A, thông tư 23/2015/TT-BKHĐT	Đơn vị được giao nhiệm vụ	
Lập tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả LCNT	Theo mẫu Phụ lục 7 thông tư 23/2015/TT-BKHĐT	Tổ chuyên gia	
Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ thẩm định tiến hành thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. - Lập biên bản thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (đại diện tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (đại diện tổ thẩm định ký theo mẫu thông tư 19/2015/TT-BKHĐT 	Tổ thẩm định	Thời gian thẩm định kết quả LCNT tối đa là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định

Nội dung công việc	Các bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
Trình lãnh đạo Viện phê duyệt kết quả LCNT	- Lập tờ trình phê duyệt kết quả LCNT (theo mẫu Phụ lục 7 thông tư 23/2015/TT-BKHĐT) - Dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả LCNT trình lãnh đạo Viện phê duyệt	Đơn vị được giao nhiệm vụ	Ra quyết định phê duyệt kết quả LCNT tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả LCNT và báo cáo thẩm định của tổ thẩm định
Đăng tải công khai kết quả lựa chọn nhà thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Theo hướng dẫn thông tư 11/2019/TT-BKHĐT	Tổ chuyên gia	- Đăng tải kết quả LCNT trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt. - Thời gian gửi văn bản thông báo kết quả LCNT cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện là 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết quả LCNT được phê duyệt

B4: Hoàn thiện, ký kết hợp đồng (Các đơn vị thông báo nhà thầu nộp tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng theo đúng quy định trong E-HSMT trước khi hợp đồng có hiệu lực)

IV. Các hình thức lựa chọn nhà thầu khác: Thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 và Nghị định 63/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn liên quan.

* Mọi đóng góp vui lòng gửi về địa chỉ: trungtamvietpro22@gmail.com

Hoặc liên hệ đồng chí: **Trịnh Anh Tuấn**, Giám đốc Trung tâm Vietpro;

Số điện thoại: **0919.200.290**